TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2020
V/v " *Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Phạm Thị Ngũ**
- Ông **Vũ Xuân Quế**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Bùi Ngọc Chiến** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*: bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 3 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2019/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc " *Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 01/2020/TB-TA ngày 06/3/2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Bà **Nguyễn Th**; Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa

**** Bị đơn***: Ông **Nguyễn H**; Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.
Trụ sở: Số 169, Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch T; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.
Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2- Hội Nông dân xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trụ sở: Thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn V. Chức vụ: Chủ tịch

Vắng mặt.

3- Ông **Vi B**. Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt.

4- Vợ chồng ông **Lý Văn H**, bà **Bùi Ph**. Sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Th trình bày thì:***

Bà và ông H sau thời gian quen biết, tìm hiểu thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01/4/1996 và có tổ chức đám cưới theo phong tục. Thời gian đầu sinh sống tại địa phương. Đến năm 2014 thì hai vợ chồng ông bà chuyển vào xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, suốt từ đó đến nay thì hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau, đời sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc vì ông Hải hay có những lời lẽ xúc phạm bà thậm chí đánh đập, đe dọa đến tính mạng của bà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể cứu vãn được. Hiện nay, bà và ông H đã không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông H có hai người con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 15/3/1997 và Nguyễn Thị Q; sinh ngày 01/6/2008. Hiện nay A đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét phân chia, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Ông bà có các khoản nợ sau:

Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 62.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Nợ vợ chồng ông Lý H, bà Bùi Ph số tiền 20.000.000 đồng, không có lãi suất.

Nợ ông Vi Văn B số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi suất.

Nợ Hội Nông dân xã R, huyện Đ bao gồm: tiền mua phân bón còn thiếu 490.900.000 đồng và quỹ hỗ trợ nông dân 30.000.000 đồng.

Nếu ly hôn, bà yêu cầu mỗi người phải chịu ½ khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, số nợ còn lại bà sẽ có trách nhiệm trả. Ngoài ra, bà không trình bày, yêu cầu gì thêm.

**** Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Nguyễn Văn H thì:***

Về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Th như lời trình bày của bà Th là đúng và cuộc sống chung của hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Tuy nhiên, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai bên. Theo ông thì chỉ là những mâu thuẫn, xung đột bình thường có thể hàn gắn được, ông vẫn còn tình cảm với bà Th nên ông mong muốn hai vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng lại hạnh phúc gia đình.Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà Th có hai người con chung cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 15/3/1997 và cháu Nguyễn Thị Q; sinh ngày 01/6/2008. Hiện nay cháu A đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân. Nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà Th ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Nam – phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ: Vào ngày 16/3/2018 bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn H có vay Ngân hàng chính sách xã hội chương trình hộ mới thoát nghèo với số tiền 50.000.000 đồng. Vào ngày 16/3/2018 bà Th, ông H tiếp tục vay Ngân hàng chính sách xã hội chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 12.000.000 đồng.

Tổng nợ vay đến ngày 14/11/2019 là 62.299.466 đồng. Trong đó tiền gốc là 62.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 299.466 đồng. Nếu bà Th ông H ly hôn thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Th ông H phải trả toàn bộ nợ gốc là 62.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn B:

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án thì ông không có ý kiến hay yêu cầu gì vì các bên đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

***Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lý Văn H, bà Bùi Thị Ph*:**

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án thì vợ chồng ông không có ý kiến hay yêu cầu gì vì các bên đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra ông bà không trình bày gì thêm.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội Nông dân xã R, huyện Đ: Hiện nay bà Nguyễn Thị Th có nợ Hội Nông dân xã R bao gồm: tiền mua phân bón còn thiếu là 490.900.000 đồng và vay quỹ hỗ trợ nông dân với số tiền

30.000.000 đồng. Tổng cộng là 520.900.000 đồng. Tuy nhiên, Hội Nông dân xã R không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này trong cùng vụ án ly hôn. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà Th và ông H có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng Th và ông H không còn khả năng hàn gắn lại được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn. Về con chung giao cho bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Q, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không xem xét, phân chia. Về nợ chung, bà Th và ông H mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 31.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Đối với nợ vợ chồng ông Lý Văn H, bà Bùi Thị Ph, ông Vi Văn B, Hội Nông dân xã R không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xin vắng mặt; Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án***:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01/4/1996. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với H. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3] ***Về quan hệ hôn nhân***: Bà Nguyễn Thị Th với ông Nguyễn Văn H đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01/4/1996 nên xác định hôn nhân của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà Th và ông

H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông H hay uống rượu, đánh đập, chửi bới bà Th, không thông cảm cho tính chất công việc của bà nên ghen tuông vô cớ… dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút đến mức nghiêm trọng, không thể cứu vãn được. Nay bà Th thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H. Còn ông H thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do cả hai bên, ông vẫn còn tình cảm với bà Th. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại nơi ông H bà Th sinh sống thì cho thấy việc ông H hay uống rượu, cãi nhau thậm chí đánh đập bà Th là có và cũng có lần công an xã, huyện phải can thiệp, sau khi bà Th đưa đơn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn ông H c không có hành động gì chứng tỏ muốn níu kéo tình cảm của bà Th để vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông H mà chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp.

[4] ***Về con chung***: Ông bà có hai con chung là cháu Nguyễn Thị A; Sinh ngày 15/3/1997 và Nguyễn Thị Q, sinh ngày 01/6/2008. Hiện nay, cháu A đã trưởng thành và tự chăm sóc bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Q đang ở cùng với bà Th, sinh sống, học tập ổn định, có nguyện vọng ở với mẹ và bà Th có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng nên giao cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] ***Về tài sản chung***: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] ***Về nợ chung***: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn H có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 62.000.000 đồng. Ngân hàng có yêu cầu Tòa án buộc bà Th, ông H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 62.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký. Nếu ly hôn, bà Th yêu cầu chia đôi khoản nợ, do đó cần buộc bà Th, ông H mỗi người có trách nhiệm thanh toán ½ số nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ với số tiền 31.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Đối với khoản nợ của ông Vi Văn B và khoản nợ của vợ chồng ông Lý Văn H bà Bùi Thị Ph do các bên đã tự thỏa thuận được nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với khoản nợ Hội Nông dân xã R, huyện Đ với tổng số tiền 520.900.000 đồng. Hội Nông dân xã R, huyện Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] ***Về án phí***: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Th và ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần trách nhiệm thanh toán nợ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 01/6/2008, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 31.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 31.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

4. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003880 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà Th còn phải nộp 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

Ông Nguyễn Văn H phải nộp 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

Vũ Xuân Quế **Phạm Thị Ngũ** **Đỗ Thị Thúy Phượng**